

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2020/DS-ST
Ngày 23 / 9/2020
V/v " *Tranh chấp quyền sử
dụng đất và yêu cầu mở lối đi
qua* "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T1 PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

-T1 phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 23 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi qua*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn L, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: 647/1, ấp 1, xã S, thành phố B, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: 197A1, ấp 1, xã S, thành phố B, tỉnh B

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

- Bà Võ Thị Thanh P1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 197A1, ấp 1, xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Ông Lê Văn P, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: 87A/1, ấp 1, xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Ông Lê Văn T1, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: 87C/1, ấp 1, xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Ông Hồ Văn H, sinh năm 1944 (có mặt).

Địa chỉ: 214/1, ấp 1, xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Phần đất của ông đang sử dụng thuộc thửa số 487 và 615 tờ số 16-1 tại xã S, thành phố Bến Tre do ông đứng tên quyền sử dụng đất. Đất có nguồn gốc là của mẹ ông là Lê Thị K cho. Ông Phan Văn T là chủ sử dụng thửa đất 488 giáp thửa đất của ông đã tự ý đổ đan làm đường đi rộng khoảng 03 mét chạy dài khoảng 30 mét để đi vào đất mà không thông qua ý kiến của ông. Việc làm của ông T ông đã báo chính quyền ấp 1, xã S và Ủy ban nhân dân xã S giải quyết nhưng không thành. Ngoài ra, phía trong đường đi có đất của ông Lê Văn P, là thửa đất 486 tờ 16-1 và thửa đất số 615 tờ 16-1 của ông, trong đó có nhà thờ của gia đình ông. Muốn đi vào các thửa đất này phải đi qua thửa đất 487 của ông, ngoài đường đi này thì không còn đường đi nào khác để đi vào. Quá trình sử dụng đường đi ông T, ông P quấy phá, chửi ông nên ông không đồng ý để ông T, ông P đi trên đất của ông nữa.

Nay ông yêu cầu ông T phải dỡ đường đan trả lại đất cho ông như hiện trạng ban đầu là đường đất, ông không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời, ông không đồng ý cho ông T, ông P tiếp tục đi trên đất của ông .

Theo đơn phản tố, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông L. Phần đất ông L yêu cầu có nguồn gốc là của mẹ ông là Lê Thị K. Phần đất này là phần đường đi mà ông bà để lại cho gia đình đi, đã có gần 200 năm, phần đất này ông L tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông đổ đan làm đường đi có sự đồng ý của ông L theo kết quả hòa giải của ấp 1, xã S, khi ông đổ đan làm đường đi ông L biết và không có ý kiến gì. Ông yêu cầu ông L phải dành cho ông phần đất thuộc một phần thửa 487, 615 để làm đường đi chung, phần đất có diện tích 206, 8 m², vì ông không còn lối đi nào khác để ra lộ công cộng, ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đường đi như hiện nay để ông đi vào đất của ông phía sau và nhà thờ chung của gia đình, ông không đồng ý bồi thiệt hại cho ông L vì phần đất này là lối đi chung của gia đình. Ông xin rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 487, 615 tờ 16-1 do ông L đứng tên.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P trình bày:

Ông là chủ thửa đất số 486 tờ 16-1, muốn đi vào đất phải đi qua thửa 615, 487 tờ 16-1 của ông Phan Văn L. Phần đất ông L tranh chấp với ông T là phần đường đi có trên 200 năm, có nguồn gốc của ông bà để lại làm đường đi chung, ông L tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông yêu cầu ông L phải dành cho ông phần đường đi như hiện trạng hiện nay để gia đình ông đi vào đất. Phần lối đi ông yêu cầu giống phần lối đi đi mà ông T yêu cầu có diện tích 206, 8 m² thuộc một phần thửa 487, 615 tờ bản đồ số 16-1 do ông L đứng tên, ông không đồng ý bồi thiệt hại cho ông L vì phần đất này là lối đi chung của gia đình.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H trình bày:

Ông là anh của ông L, ông T, ông P. Phần đất ông T ông L đang tranh chấp là phần đường đi có từ trước đến nay do ông bà để lại, sau khi mẹ ông là Lê Thị K chết cũng để lại làm đường đi chung vào nhà thờ nhưng ông L tự ý kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thông qua ý kiến của anh em trong gia đình là không đúng. Ông không có yêu cầu độc lập nhưng ý kiến của ông là ông L phải dành phần đất tranh chấp để làm đường đi chung cho anh em trong gia đình và những người khác cùng đi.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 trình bày:

Ông thống nhất như ý kiến của ông Hồ Văn H và không có ý kiến bổ sung.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh P1 trình bày:

Bà là vợ của ông Phan Văn T, bà hoàn toàn thống nhất với ý kiến của ông T và không có ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

-Ý kiến giải quyết vụ án : Căn cứ Điều 158, 166; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 105, 106, 166 và Điều 203 Luật đất đai 2013:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L về việc yêu cầu ông Phan Văn T trả phần đất có diện 206,8 m² thuộc một phần thửa 487, thửa 615, tờ số 16-1 tọa lạc xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và yêu cầu ông T phải tháo dỡ bê tông khôi phục lại hiện trạng đất như ban đầu.

+ Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Văn T và yêu cầu độc lập của ông Lê Văn P về việc yêu cầu ông Phan Văn L dành cho ông T và ông P lối đi là một phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 487, 615 cùng tờ 16-1 diện tích

206,8 m² tọa lạc xã S, thành phố Bến Tre; giữ nguyên hiện trạng đường bê tông trên đất mở lối đi.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Phan Văn T về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn L đối với một phần thửa đất số 487, 615, tờ 16-1 tọa lạc xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Ghi nhận ông Phan Văn L không yêu cầu ông T, ông P trả giá trị phần đất dành làm lối đi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ông Phan Văn L yêu cầu ông Phan Văn T di dời tài sản trả đất nên đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất. Ông Phan Văn T có yêu cầu phản tố, ông Lê Văn P có yêu cầu độc lập yêu cầu ông Phan Văn L mở lối đi trên phần đất của ông L nên đây là yêu cầu về mở lối đi qua theo quy định của Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

-Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà Võ Thị Thanh P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Đất tranh chấp tại xã S, T1 phố Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Phan Văn L yêu cầu ông Phan Văn T phải di dời phần mặt đường bằng xi măng để trả lại hiện trạng đất ban đầu và trả đất cho ông, vì ông T tự ý đổ xi măng trên đường đi mà không được sự đồng ý của ông. Ông không đồng ý cho ông T, ông P đi trên đất của ông để đi vào đất của ông T, ông P.

Ông T không đồng ý theo yêu cầu của ông L và có yêu cầu ông L phải dành phần đất có diện tích 206,8 m² để làm đường đi cho ông, vì ngoài đường đi này ông không còn đường nào khác để ra lộ công cộng, đường đi này là đường đi chung do mẹ ông để lại cho gia đình trong thân tộc đi, đường đi này đã hình T1 từ lâu.

Ông Lê Văn P có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông L phải dành phần đất phần đất có diện tích 206,8 m² để làm đường đi cho ông vào đất, ngoài đường đi này ông không còn đường đi nào khác, đường đi này đã hình T1 từ lâu, mẹ ông là bà Lê Thị Khai đã chừa làm đường đi chung cho con cháu trong gia đình.

[3] Theo các chứng cứ có hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thể hiện ông Phan văn L, ông Phan Văn T, ông Lê Văn P là anh em ruột với

nhau, cùng là con của bà Lê Thị Khai (đã chết). Ngoài ông L, ông T, ông P thì bà Khai còn có 02 người con là ông Hồ Văn H, ông Lê Văn T1 (do bà Khai có 03 đời chồng). Các ông L, ông T, ông P tranh chấp phần đất có diện tích 206,8 m² gồm các diện tích 123,1 m² thuộc một phần thửa 615, tờ bản đồ số 16-1 (615c) và diện tích 83,7 m² thuộc một phần thửa 487, tờ bản đồ số 16-1 (487a) tọa lạc xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre do ông Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất. Liền ranh với các thửa đất của ông L là thửa đất 488 do ông Phan Văn T đứng tên quyền sử dụng đất và thửa 486 do ông Lê Văn P đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc các thửa đất 487, 615, 486, 488 là của bà Lê Thị K, mẹ của ông L, ông T, ông P phân chia cho các ông, các ông đều đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L đều thừa nhận trước đây ông có đồng ý cho ông T đi trên đất nhưng chỉ đi đường đất không cho đồ đạc trên đất của ông. Đường đi này đã hình thành từ lâu, do ông bà để lại để làm đường đi chung của gia đình, đường đi này ông T, ông P cũng đã sử dụng từ lâu, ngoài đường đi này ông P, ông T không có đường đi nào khác để ra vào đất, kể cả ông H, ông T1 muốn vào nhà thờ chung phải đi qua lối đi này, nhưng do ông T, ông P quây phá, chửi ông nên ông không đồng ý cho đi nữa, ông sẽ rào đường đi này lại. Lời thừa nhận này của ông L phù hợp với lời trình bày của ông T, ông P, ông H, ông T1 và những người làm chứng là các ông ông Trần công Lo, Nguyễn Văn Tạo, Phạm Trọng Giáp, Nguyễn T1 Đông (là các thành viên của Tổ hòa giải ấp 1, xã S).

Tại biên bản hòa giải ở ấp 1 ngày 01/7/2016 thể hiện việc ông L cho ông T đi dài theo hàng rào ông P 15,8m tới làm đường đi chung, ông T làm hàng rào ngang kéo lưới P40 (có 03 trụ ngang) và được đổ bê tông trên đường đi từ lộ 884 dài đến hết phần ông L cho đi. Tuy nhiên, ông L không đồng ý biên bản hòa giải này và cho rằng ông chỉ cho đi chứ không cho làm đường đi lúc hòa giải ở ấp ngày 01/7/2016, ông đồng ý cho ông T đi đường đất nhưng chỉ nói miệng, không ký tên vào biên bản Theo kết luận giám định số 185/2020/GĐTL ngày 21/8/2020 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bến Tre kết luận: không đủ cơ sở kết luận chữ ký Phan Văn L tại mục nguyên đơn trên biên bản hòa giải ngày 01/7/2016 so với chữ ký, chữ viết của Phan Văn L trên tài liệu, mẫu vật đưa đi giám định có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

[4] Nhận thấy, đất tranh chấp là đường đi có diện tích 206,8m² thuộc một phần thửa 487 và thửa 615, tờ 16-1 do ông Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, phần đất này có nguồn gốc của bà Lê Thị Khai được sử dụng là lối đi chung, đường đi này đã hình thành từ lâu, các bên đương sự đều thống nhất việc này. Tuy nhiên khi đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 487 cho ông L, cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thể hiện đường đi trên thửa 487 là không đúng với thực tế sử dụng đất. Ngoài lối đi này ông P không còn lối đi nào khác vào thửa 486, tờ 16-1 của ông ở bên trong, đất cũng có nguồn gốc của bà Lê Thị Khai phân chia cho ông P. Đối với ông T, mặc dù ông sử dụng thửa 488, hiện trạng có mặt tiền là đường tỉnh 884, tuy nhiên thửa 488 của ông T có 02 mặt giáp

đường đi, mặt trước giáp đường 884 cho thuê, phần phía sau thửa 488 chạy dọc từ đường tỉnh 884 vào phía sau thửa 488 giáp thửa 487 của ông L ông T đang ở, cho thuê và kinh doanh. Từ trước đến nay ông T đã sử dụng lối đi trên thửa 487 đi từ đường 884 vào phía trong thửa 488. Do đó, việc chấp nhận cho ông T, ông P cùng được sử dụng lối đi tranh chấp vừa thuận tiện cho việc sử dụng đất của ông T, ông P, mặc khác cũng đảm bảo về tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Ngoài ra, ông L trình bày ông không có ký tên vào biên bản hòa giải ngày 01/7/2016 nhưng quá trình ông T đổ bê tông làm đường đi thì ông biết nhưng không có ngăn cản, do đó việc ông yêu cầu ông T tháo dỡ bê tông khôi phục lại hiện trạng đất như ban đầu là không có cơ sở chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn P, ông Phan Văn T về việc yêu cầu ông L phải dành phần đất có diện tích 206,8 m² thuộc một phần thửa 615, 487 tờ 16-1 làm lối đi chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L khẳng định chỉ yêu cầu ông T tháo dỡ bê tông trên đất để khôi phục lại hiện trạng đất như ban đầu cho ông, không đồng ý cho ông T, ông P tiếp tục đi trên đất của ông, nếu yêu cầu của ông L ông P được chấp nhận ông không có yêu cầu các ông bồi thường thiệt hại nên ghi nhận.

[5] Về yêu cầu của ông Phan Văn T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn T đối với thửa đất 487, tờ bản đồ số 16-1, tại phiên tòa ông xin rút yêu cầu này. Xét việc rút yêu cầu của ông là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ yêu cầu này của ông.

[6] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/02/2020 thì phần đất tranh chấp là 01 đường đan bằng bê tông không cốt thép gồm các thửa 615c (123,1 m²) và 487a (83,7m²), tổng cộng là 206,8 m². Giá đất là 2.000.000 đồng/m² x 206,8 m² = 413.600.000 đồng. Giá đường đan là 157.000 đồng/m² x 206,8 m² = 32.467.600 đồng. Các bên đương sự đều thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, không ai có yêu cầu hay khiếu nại về kết quả này nên đây là căn cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[7] Về chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 3.711.000 đồng ông L phải chịu nhưng do ông đã nộp tạm ứng trước nên không phải nộp thêm.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông L phải chịu 5% án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể là: 32.467.600 đồng x 5% = 1.623.380 đồng và 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu mở lối đi của ông T, ông P được chấp nhận, tổng số tiền án phí ông L phải chịu là 1.923.380 đồng.

- Ông Phan Văn T, ông Lê Văn P không phải chịu án phí.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158, 166, 254 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 105, 106, 166 và Điều 203 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L về việc yêu cầu ông Phan Văn T phải di dời phần đường đan trả đất có diện tích 206,8 m² thuộc một phần thửa 615, tờ bản đồ số 16-1 có diện tích 123,1 m² (615c) và một phần thửa 487, tờ bản đồ số 16-1 có diện tích 83,7 m² (487a) tọa lạc xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre do ông Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Văn T và yêu cầu độc lập của ông Lê Văn P.

2.1. Buộc ông Phan Văn L phải dành cho ông Phan Văn T, ông Lê Văn P phần đường đi có diện tích 206,8 m² thuộc một phần thửa 615, tờ bản đồ số 16-1 có diện tích 123,2 m² (615c) và một phần thửa 487, tờ bản đồ số 16-1 có diện tích 83,7 m² (487a) tọa lạc xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre do ông Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất (có hồ sơ đo đạc kèm theo).

2.2. Giữ nguyên hiện trạng phần đường đi có diện tích 206,8 m² thuộc một phần thửa 615, tờ bản đồ số 16-1 có diện tích 123,2 m² (615c) và một phần thửa 487, tờ bản đồ số 16-1 có diện tích 83,7 m² (487a) tọa lạc xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre do ông Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất.

2.3. Ghi nhận ông Phan Văn L không yêu cầu ông Phan Văn T, ông Lê Văn P bồi thường thiệt hại cho việc ông T, ông L được sử dụng phần đất làm lối đi nêu trên của ông L.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông Phan Văn T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn L đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 16-1 tọa lạc xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Về chi phí thu thập chứng cứ là 3.711.000 đồng buộc ông Phan Văn L phải chịu nhưng do ông đã nộp tạm ứng trước nên không phải nộp thêm.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Phan Văn L phải 1.923.380 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008470 ngày 13/12/2019 và 4.790.000 đồng theo biên lai thu số 0003387 ngày 22/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Ông L được nhận lại số tiền chênh lệch là 7.866.628 đồng.

- Hoàn trả cho ông Phan Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009033 ngày 19/5/2019 và số tiền 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0003388 ngày 22/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

- Hoàn trả cho ông Lê Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0011836 ngày 04/6/2020 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003389 ngày 22/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THADS Tp. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở